

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 01/02/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB1800	Huỳnh Tuấn	An	18/01/1999	Bến Tre	8,67	8,67	Đạt	
2	BKCB1801	Huỳnh Vĩnh	An	30/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,0	Đạt	
3	BKCB1802	Nguyễn Thúy	An	15/12/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,17	Đạt	
4	BKCB1803	Hồ Ngọc Phương	Anh	17/12/2004	Đồng Tháp				Vắng
5	BKCB1804	La Hồ Trúc	Anh	18/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,67	Đạt	
6	BKCB1805	Mai Đức	Anh	29/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
7	BKCB1806	Nguyễn Duy	Anh	22/02/1997	Lâm Đồng	8,67	8,5	Đạt	
8	BKCB1807	Nguyễn Việt	Anh	30/11/1995	Khánh Hòa	8,33	8,0	Đạt	
9	BKCB1808	Vương Ngọc	Anh	14/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Đạt	
10	BKCB1809	Trần Thị Ngọc	Ánh	22/01/2006	Quảng Trị	7,0	8,33	Đạt	
11	BKCB1810	Phan Lâm Quốc	Bảo	18/12/2001	Vĩnh Long	5,67	7,0	Đạt	
12	BKCB1811	Nguyễn Thị	Bình	04/10/1997	Quảng Ngãi	10,0	8,33	Đạt	
13	BKCB1812	Đỗ Ngọc Minh	Châu	01/09/2003	Đồng Tháp	7,67	7,83	Đạt	
14	BKCB1813	Lê Bảo	Châu	06/08/2004	Cần Thơ	8,0	8,33	Đạt	
15	BKCB1814	Vương Huy	Cường	28/11/1998	Cà Mau	8,0	7,33	Đạt	
16	BKCB1815	Đặng Thị Hồng	Đào	08/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,67	Đạt	
17	BKCB1816	Bùi Thành	Đạt	21/10/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,5	Đạt	
18	BKCB1817	Huỳnh Văn	Đạt	25/02/2003	Đắk Lắk	5,33	8,5	Đạt	
19	BKCB1818	Bùi Thành	Đạt	17/05/2001	Tây Ninh	10,0	8,83	Đạt	
20	BKCB1819	Nguyễn Thị	Diễm	14/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,17	Đạt	
21	BKCB1820	Nguyễn Minh	Diễn	14/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,0	Đạt	
22	BKCB1821	Lê Võ Đại	Đinh	28/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,0	Đạt	
23	BKCB1822	Lê Huỳnh	Đức	27/09/2007	Long An	8,67	8,0	Đạt	
24	BKCB1823	Nguyễn Thuý Xuân	Dung	15/08/2000	Đắk Lắk	9,0	7,67	Đạt	
25	BKCB1824	Huỳnh Thành	Được	20/06/2000	Gia Lai	8,0	7,67	Đạt	
26	BKCB1825	Đặng Trương Anh	Duy	27/09/1999	Lâm Đồng	8,67	9,0	Đạt	
27	BKCB1826	Lê Phan Nhật	Duy	22/03/1998	Vĩnh Long	9,33	9,0	Đạt	
28	BKCB1827	Nguyễn Thế	Duy	27/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
29	BKCB1828	Nguyễn Thị Thuý	Duy	06/07/1998	Bến Tre	9,33	8,83	Đạt	
30	BKCB1829	Danh Kiều	Duyên	09/08/2004	Tây Ninh				Vắng
31	BKCB1830	Hà Ngọc	Duyên	01/09/2003	Tây Ninh	9,67	6,17	Đạt	
32	BKCB1831	Nguyễn Thị Kim	Duyên	13/11/1999	Bình Dương	7,33	9,0	Đạt	
33	BKCB1832	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	09/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,67	Đạt	
34	BKCB1833	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	01/01/1998	Quảng Ngãi				Vắng
35	BKCB1834	Đỗ Thị Hương	Giang	04/05/1998	Đắk Lắk	8,67	8,83	Đạt	
36	BKCB1835	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	24/08/2003	Bình Thuận	6,67	8,83	Đạt	
37	BKCB1836	Lê Ngọc	Giàu	06/12/2006	Long An	9,0	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
38	BKCB1837	Lương Thị Ngọc	Hà	10/01/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	8,83	Đạt	
39	BKCB1838	Phan Thị Ngọc	Hà	08/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
40	BKCB1839	Phạm Hồng	Hạc	26/06/2003	Gia Lai	5,67	6,67	Đạt	
41	BKCB1840	Lại Lê Gia	Hân	24/11/2003	Đắk Lắk	5,67	7,5	Đạt	
42	BKCB1841	Phạm Thị Thúy	Hằng	15/04/2004	Quảng Ngãi	7,33	8,67	Đạt	
43	BKCB1842	Tạ Thị Thuý	Hằng	26/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,5	Đạt	
44	BKCB1843	Nguyễn Lê Hồng	Hạnh	01/01/2001	Bình Thuận	6,33	7,83	Đạt	
45	BKCB1844	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	6,67	Đạt	
46	BKCB1845	Lê Chí	Hiếu	12/11/1996	Vĩnh Long				Vắng
47	BKCB1846	Nguyễn Trung	Hiếu	16/11/1996	Bạc Liêu	9,0	8,67	Đạt	
48	BKCB1847	Lê Thị Kim	Hồng	30/10/2004	Ninh Bình	8,0	8,0	Đạt	
49	BKCB1848	Hồ Quốc	Hùng	18/09/2002	Quảng Bình	7,0	6,67	Đạt	
50	BKCB1849	Ngô Quốc	Hưng	28/04/2002	Tây Ninh	7,0	6,67	Đạt	
51	BKCB1850	Nguyễn Thị Diệu	Hương	13/06/2001	Cà Mau	7,67	8,83	Đạt	
52	BKCB1851	Cao Quốc	Huy	28/06/2005	Bình Phước	7,0	9,0	Đạt	
53	BKCB1852	Chiêm Thị Mỹ	Huyền	08/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,0	Đạt	
54	BKCB1853	Lương Thị Ngọc	Huỳnh	27/12/1999	Bình Phước	9,67	9,0	Đạt	
55	BKCB1854	Nguyễn Đình	Khái	19/09/2004	Tây Ninh	9,33	8,83	Đạt	
56	BKCB1855	Nguyễn Hoàng Duy	Khang	08/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,83	Đạt	
57	BKCB1856	Nguyễn Nam	Khang	01/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,83	Đạt	
58	BKCB1857	Ca Thanh	Khiêm	12/03/2002	Cà Mau	8,67	9,0	Đạt	
59	BKCB1858	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	28/07/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,67	Đạt	
60	BKCB1859	Nguyễn Anh	Kiệt	14/02/2005	Bình Định				Vắng
61	BKCB1860	Nguyễn Hoàng	Lanh	03/03/1993	Tây Ninh	10,0	8,67	Đạt	
62	BKCB1861	Phú Trọng	Lãnh	07/11/1985	An Giang	6,33	7,0	Đạt	
63	BKCB1862	Nguyễn Hoàng	Liêm	09/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,83	Đạt	
64	BKCB1863	Trần Mỹ	Liên	05/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,83	Đạt	
65	BKCB1864	Đoàn Nhất	Linh	10/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt	
66	BKCB1865	Lê Anh Bách	Linh	17/09/2005	Đắk Nông	8,0	8,67	Đạt	
67	BKCB1866	Nguyễn Thị Thùy	Linh	22/03/2006	Đồng Tháp	9,67	8,33	Đạt	
68	BKCB1867	Vũ Khánh	Linh	30/04/2004	Hà Nội	8,0	8,67	Đạt	
69	BKCB1868	Tống Thị Tường	Ly	04/02/2006	Quảng Ngãi	8,67	8,33	Đạt	
70	BKCB1869	Dương Ngọc	Mai	02/06/1989	Thanh Hoá	8,67	9,0	Đạt	
71	BKCB1870	Nguyễn Thị Xuân	Mai	07/06/2006	Long An	9,0	7,33	Đạt	
72	BKCB1871	Nguyễn Đặng Nhật	Minh	14/10/2001	Phú Yên	9,0	9,0	Đạt	
73	BKCB1872	Hồ Thị Na	Na	03/08/2003	Tây Ninh	8,0	5,0	Đạt	
74	BKCB1873	Nguyễn Thanh	Nam	11/11/2005	Đồng Tháp	8,33	8,17	Đạt	
75	BKCB1874	Lê Thị Bích	Ngân	07/12/2000	An Giang	9,67	8,67	Đạt	
76	BKCB1875	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	20/04/2003	Tây Ninh	7,67	6,5	Đạt	
77	BKCB1876	Trương Thùy Kim	Ngân	21/10/2004	Lâm Đồng				Vắng
78	BKCB1877	Võ Thị Thanh	Ngân	11/03/2006	Tây Ninh	10,0	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
79	BKCB1878	Hồ Thị Thanh	Ngân	14/02/2004	Tiền Giang	6,33	7,0	Đạt	
80	BKCB1879	Mạc Ngọc	Nghi	01/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,17	Đạt	
81	BKCB1880	Nguyễn Đăng	Nghị	28/07/1998	Đà Nẵng	9,67	9,0	Đạt	
82	BKCB1881	Huỳnh Trọng	Nghĩa	30/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,83	Đạt	
83	BKCB1882	Lưu Thanh	Ngọc	21/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
84	BKCB1883	Phạm Thị Kim	Ngọc	13/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
85	BKCB1884	Tất Bảo	Ngọc	25/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
86	BKCB1885	Trần Ngọc	Nguyễn	05/12/2006	Tây Ninh	9,33	8,0	Đạt	
87	BKCB1886	Lê Thị Thảo	Nguyên	23/05/2004	Đồng Tháp	7,33	5,83	Đạt	
88	BKCB1887	Nguyễn Lư Ánh	Nguyệt	17/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,83	Đạt	
89	BKCB1888	K'	Nhấn	17/01/1997	Lâm Đồng	9,33	8,67	Đạt	
90	BKCB1889	Huỳnh Thị Yến	Nhi	08/05/2000	Đồng Nai	9,33	8,83	Đạt	
91	BKCB1890	Nguyễn Thị Phương	Nhi	14/05/1999	Đồng Nai				Vắng
92	BKCB1891	Nguyễn Yến	Nhi	10/07/2003	Đồng Nai	6,33	8,67	Đạt	
93	BKCB1892	Trần Lê Yến	Nhi	04/03/2004	Vĩnh Long	9,67	9,0	Đạt	
94	BKCB1893	Trần Thị Thanh	Nhi	18/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,67	Đạt	
95	BKCB1894	Hà Bảo Quỳnh	Như	08/01/2000	Đồng Nai	6,0	8,67	Đạt	
96	BKCB1895	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	05/04/1999	Ninh Thuận	7,33	9,0	Đạt	
97	BKCB1896	Phạm Quỳnh	Như	08/08/2000	Tây Ninh	9,75	9,0	Đạt	
98	BKCB1897	Đinh Nguyễn Hồng	Nhung	20/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	Đạt	
99	BKCB1898	Nguyễn Thị	Nhung	07/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	7,17	Đạt	
100	BKCB1899	Võ Thị	Niệm	24/06/1999	Đà Nẵng	9,33	9,0	Đạt	
101	BKCB1900	Nguyễn Hồng	Phấn	08/11/2004	Vĩnh Long	9,67	8,67	Đạt	
102	BKCB1901	Nguyễn Ngô Hồng	Phúc	24/10/2002	Cần Thơ	5,67	6,67	Đạt	
103	BKCB1902	Võ Trọng	Phúc	04/06/2002	Đồng Tháp	7,67	8,83	Đạt	
104	BKCB1903	Nguyễn Thị Nhã	Phương	14/06/2006	Cần Thơ	6,67	9,0	Đạt	
105	BKCB1904	Nguyễn Thu	Phương	01/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	7,67	Đạt	
106	BKCB1905	Phùng Văn	Phương	10/02/2000	Phú Thọ	7,67	8,67	Đạt	
107	BKCB1906	Lê Nguyễn Minh	Quân	05/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,0	Đạt	
108	BKCB1907	Nguyễn Ngọc	Quang	12/03/2001	Thanh Hoá	9,0	9,0	Đạt	
109	BKCB1908	Trần Lệ Kim	Quý	21/06/2004	Quảng Ngãi	7,0	8,0	Đạt	
110	BKCB1909	Huỳnh Thị Tú	Quyên	25/09/1998	Cần Thơ	9,67	9,0	Đạt	
111	BKCB1910	Nguyễn Thị Kim	Quyên	14/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
112	BKCB1911	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	14/07/2004	Ninh Thuận	7,0	6,5	Đạt	
113	BKCB1912	Trần Thị Kim	Sa	03/10/1998	Lâm Đồng	9,0	9,0	Đạt	
114	BKCB1913	Nguyễn Thanh	Son	11/11/1995	Lâm Đồng	9,33	6,5	Đạt	
115	BKCB1914	Nguyễn Trường	Son	31/10/1988	An Giang	8,33	8,67	Đạt	
116	BKCB1915	Nguyễn Hà Phát	Tài	20/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,83	Đạt	
117	BKCB1916	Nguyễn Sỹ Thành	Tâm	30/05/2001	Bình Dương	9,0	8,67	Đạt	
118	BKCB1917	Lê Nguyễn Nhật	Tân	21/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,33	Đạt	
119	BKCB1918	Hà Thị	Thắm	20/09/2003	Quảng Ngãi	9,33	5,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
120	BKCB1919	Nguyễn Đình	Thăng	10/10/1995	Đắk Lắk	8,67	8,33	Đạt	
121	BKCB1920	Lê Trần Nhật	Thanh	20/11/1998	Tây Ninh	10,0	8,83	Đạt	
122	BKCB1921	Trần Thị	Thanh	22/06/2004	Đà Nẵng	9,67	7,33	Đạt	
123	BKCB1922	Lê Thanh	Thảo	13/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,33	Đạt	
124	BKCB1923	Trương Hoài Ngân	Thảo	06/02/2001	Bến Tre	8,67	8,0	Đạt	
125	BKCB1924	Nguyễn Thị Kim	Thoa	17/06/2004	Tây Ninh	5,67	7,67	Đạt	
126	BKCB1925	Chu Thị Minh	Thư	08/04/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,0	9,17	Đạt	
127	BKCB1926	Lâm Mai Anh	Thư	09/01/2004	An Giang	9,67	8,83	Đạt	
128	BKCB1927	Nguyễn Minh	Thư	20/02/2007	Long An	5,67	8,33	Đạt	
129	BKCB1928	Nguyễn Thị Minh	Thư	29/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,0	Đạt	
130	BKCB1929	Phan Thị Lê	Thư	31/05/2007	Long An	9,0	8,67	Đạt	
131	BKCB1930	Huỳnh Hiệp	Thuận	16/04/1998	An Giang	9,67	8,67	Đạt	
132	BKCB1931	Huỳnh Minh	Thuận	31/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Đạt	
133	BKCB1932	Nguyễn Thu	Thủy	28/08/2000	Hà Nội	8,0	8,83	Đạt	
134	BKCB1933	Đỗ Thị Thủy	Tiên	28/10/1998	Đắk Lắk	9,33	9,0	Đạt	
135	BKCB1934	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	08/12/2002	Tây Ninh	9,0	6,83	Đạt	
136	BKCB1935	Hoàng Viêt	Tiến	02/01/1998	Đắk Lắk	9,67	8,33	Đạt	
137	BKCB1936	Nguyễn Phước	Tín	29/09/2004	Cà Mau	8,33	8,67	Đạt	
138	BKCB1937	Ngô Trí Dũng	Toàn	23/12/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,17	Đạt	
139	BKCB1938	Phan Hồng	Trâm	09/10/2006	Long An	7,67	6,83	Đạt	
140	BKCB1939	Lương Mỹ	Trân	17/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,67	Đạt	
141	BKCB1940	Nguyễn Thị Huyền	Trân	08/11/2000	Tây Ninh	9,0	6,83	Đạt	
142	BKCB1941	Trương Mỹ	Trân	03/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,33	Đạt	
143	BKCB1942	Võ Huỳnh Bảo	Trân	26/07/1999	An Giang	9,0	9,0	Đạt	
144	BKCB1943	Nguyễn Thị Nguyên	Trang	26/02/2004	Lâm Đồng	9,33	9,17	Đạt	
145	BKCB1944	Nguyễn Minh	Trí	08/06/1999	Đắk Lắk	6,0	8,33	Đạt	
146	BKCB1945	Trần Vĩnh	Trọng	17/02/2007	Đà Nẵng	9,0	4,0	Không đạt	Word không Nội dung
147	BKCB1946	Lê Nhựt	Trung	15/08/1998	Bến Tre	9,67	8,33	Đạt	
148	BKCB1947	Nguyễn Đức	Trung	23/09/2003	Đồng Nai	8,0	8,0	Đạt	
149	BKCB1948	Phan Bảo	Trường	17/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	8,33	Đạt	
150	BKCB1949	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	16/05/2005	Tiền Giang	8,0	8,33	Đạt	
151	BKCB1950	Phạm Minh	Tú	30/11/2004	Sóc Trăng	8,67	6,5	Đạt	
152	BKCB1951	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	06/08/2004	Đồng Tháp	8,33	8,5	Đạt	
153	BKCB1952	Lâm Phương	Tường	29/03/2005	Tây Ninh	7,67	8,17	Đạt	
154	BKCB1953	Trần Thanh	Tuyền	01/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,0	Đạt	
155	BKCB1954	Lê Thị	Tuyết	08/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,5	Đạt	
156	BKCB1955	Nguyễn Phương	Uyên	12/08/2006	Đắk Lắk	8,33	8,0	Đạt	
157	BKCB1956	Trần Thị Kiều	Vân	09/02/1992	Đắk Lắk	8,67	8,67	Đạt	
158	BKCB1957	Trần Ngọc	Vân	29/07/2004	Tây Ninh	10,0	9,0	Đạt	
159	BKCB1958	Lê Thị Tường	Vi	30/05/2002	Vĩnh Long	7,67	8,33	Đạt	
160	BKCB1959	Trần Hoàng	Việt	02/07/1994	Khánh Hòa	8,67	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
161	BKCB1960	Đặng Anh	Việt	10/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	Đạt	
162	BKCB1961	Hồ Quốc	Vinh	06/12/2004	Cần Thơ	9,67	8,67	Đạt	
163	BKCB1962	Nguyễn Quang	Vinh	14/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,67	Đạt	
164	BKCB1963	Nguyễn Văn Hữu	Vinh	19/12/2003	Vĩnh Long	8,0	6,17	Đạt	
165	BKCB1964	Thạch	Vinh	17/09/2002	Trà Vinh	9,33	7,5	Đạt	
166	BKCB1965	Lê Thanh	Vy	09/12/2006	Đồng Nai	8,33	8,17	Đạt	
167	BKCB1966	Nguyễn Thị Nhựt	Vy	15/11/2004	Vĩnh Long	10,0	9,0	Đạt	
168	BKCB1967	Nguyễn Trịnh Khánh	Vy	25/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	Đạt	
169	BKCB1968	Nguyễn Đoàn Như	Ý	02/09/2003	An Giang	6,0	6,67	Đạt	
170	BKCB1969	Lê Đoàn Bảo	Yến	30/10/2004	Đồng Tháp	9,0	6,67	Đạt	
171	BKCB2044	Dương Thị Quế	Anh	07/07/2007	Đồng Tháp	8,75	9,0	Đạt	
172	BKCB2045	Hoàng Thị Kim	Anh	04/04/2003	Long An	8,25	7,0	Đạt	
173	BKCB2046	Phạm Thị Như	Ảnh	04/08/2007	Đồng Tháp	7,0	6,0	Đạt	
174	BKCB2047	Lê Gia	Bảo	26/09/2005	Đồng Tháp	6,0	5,0	Đạt	
175	BKCB2048	Bùi Cao	Cường	20/08/1985	Đồng Tháp	8,25	6,0	Đạt	
176	BKCB2049	Nguyễn Lý Hải	Đặng	19/01/2006	Đồng Tháp	9,25	8,33	Đạt	
177	BKCB2050	Trương Hải	Đặng	09/03/2007	Đồng Tháp	10,0	8,83	Đạt	
178	BKCB2051	Nguyễn Ngọc Ánh	Dương	05/11/2007	Đồng Tháp	9,5	8,0	Đạt	
179	BKCB2052	Phan Thị Thùy	Dương	16/01/2005	Đồng Tháp	6,25	6,0	Đạt	
180	BKCB2053	Nguyễn Phước	Duy	04/05/2007	Đồng Tháp	8,0	6,33	Đạt	
181	BKCB2054	Võ Tường	Duy	04/04/2007	Đồng Tháp	7,25	8,0	Đạt	
182	BKCB2055	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/09/2007	Đồng Tháp	8,0	6,17	Đạt	
183	BKCB2056	Nguyễn Trần Thiên	Hạc	15/04/2007	Đồng Tháp	8,5	7,0	Đạt	
184	BKCB2057	Phan Gia	Hân	04/01/2007	Đồng Tháp	9,75	7,33	Đạt	
185	BKCB2058	Lưu Mỹ	Hăng	31/03/2007	Đồng Tháp	10,0	7,0	Đạt	
186	BKCB2059	Nguyễn Nhựt	Hào	24/11/2007	Đồng Tháp	9,5	8,33	Đạt	
187	BKCB2060	Nguyễn Minh	Hào	17/08/2006	Đồng Tháp	10,0	9,0	Đạt	
188	BKCB2061	Lý Vinh	Hạo	27/09/2007	Đồng Tháp	9,25	6,0	Đạt	
189	BKCB2062	Nguyễn Vinh	Hiền	14/01/2000	Đồng Tháp	9,25	8,67	Đạt	
190	BKCB2063	Nguyễn Phước	Hung	10/07/1983	Đồng Tháp	6,75	8,17	Đạt	
191	BKCB2064	Bùi Ngọc	Huyền	21/06/2007	Đồng Tháp	9,75	7,0	Đạt	
192	BKCB2065	Nguyễn Ngọc	Huyền	29/07/2005	Đồng Tháp	8,75	7,0	Đạt	
193	BKCB2066	Châu Thị Trúc	Huỳnh	20/12/2007	Đồng Tháp	9,75	7,0	Đạt	
194	BKCB2067	Tổng Minh	Khoa	12/12/2007	Đồng Tháp	6,25	6,17	Đạt	
195	BKCB2068	Trần Phạm Việt	Khoa	28/01/2007	Đồng Tháp	10,0	8,33	Đạt	
196	BKCB2069	Lê Võ Hoàng	Kim	28/08/2007	An Giang	9,5	7,0	Đạt	
197	BKCB2070	Ngô Thị Yến	Lan	01/01/2007	Đồng Tháp	5,0	5,0	Đạt	
198	BKCB2071	Dương Thị Tuyết	Liên	13/02/2007	Đồng Tháp	8,75	8,67	Đạt	
199	BKCB2072	Lê Thị Kim	Liên	03/04/2007	Đồng Tháp	8,0	5,67	Đạt	
200	BKCB2073	Nguyễn Thị Kim	Liên	14/11/2007	Đồng Tháp	5,5	5,33	Đạt	
201	BKCB2074	Hồ Khánh	Linh	21/02/2007	Đồng Tháp	8,0	5,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
202	BKCB2075	Nguyễn Thị Trúc	Linh	15/09/1985	Đồng Tháp				Vắng
203	BKCB2076	Võ Mỹ	Linh	13/02/2007	Đồng Tháp	9,0	6,67	Đạt	
204	BKCB2077	Âu Thị Hồng	Lụa	04/09/2007	Đồng Tháp	10,0	9,0	Đạt	
205	BKCB2078	Cao Thị Hồng	Lụa	02/01/2007	Đồng Tháp	10,0	9,0	Đạt	
206	BKCB2079	Lê Hoàng	Lương	24/08/2007	Đồng Tháp	8,75	8,67	Đạt	
207	BKCB2080	Lê Hoàng	Lượng	24/10/2005	Đồng Tháp	10,0	9,0	Đạt	
208	BKCB2081	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/07/2007	Đồng Tháp	8,5	6,0	Đạt	
209	BKCB2082	Dương Hà Nhật	Minh	26/09/2001	Đồng Tháp	9,25	6,83	Đạt	
210	BKCB2083	Nguyễn Thị Diễm	My	23/01/2007	Đồng Tháp	9,0	6,67	Đạt	
211	BKCB2084	Phạm Thị Thảo	My	17/11/1997	Đồng Tháp	7,5	5,0	Đạt	
212	BKCB2085	Võ Thị Thu	Nga	22/05/1996	Tiền Giang	8,75	8,5	Đạt	
213	BKCB2086	Đặng Hoài	Ngân	30/09/2007	Đồng Tháp	8,75	8,67	Đạt	
214	BKCB2087	Lữ Thị Phương	Ngân	30/08/2007	Đồng Tháp	9,25	6,67	Đạt	
215	BKCB2088	Nguyễn Trọng	Nghĩa	27/03/2007	Đồng Tháp	6,5	5,33	Đạt	
216	BKCB2089	Nguyễn Hải	Ngọc	28/02/2000	Đồng Tháp	9,75	9,0	Đạt	
217	BKCB2090	Nguyễn Yển	Ngọc	02/01/2007	Đồng Tháp	9,0	8,33	Đạt	
218	BKCB2091	Châu Nhuận	Phát	24/10/2001	Đồng Tháp	9,0	8,67	Đạt	
219	BKCB2092	Nguyễn Minh	Phú	10/03/2005	Đồng Tháp	9,25	9,0	Đạt	
220	BKCB2093	Nguyễn Phan Hoàng	Phúc	21/11/2007	Đồng Tháp	9,25	7,83	Đạt	
221	BKCB2094	Nguyễn Văn	Phúc	03/10/2007	Đồng Tháp	9,5	9,0	Đạt	
222	BKCB2095	Nguyễn Thị Diệu	Quyên	09/05/2003	Đồng Tháp	8,5	6,17	Đạt	
223	BKCB2096	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	23/05/2007	Đồng Tháp	9,5	7,67	Đạt	
224	BKCB2097	Trần Thanh	Sang	17/09/2007	Đồng Tháp	9,75	6,67	Đạt	
225	BKCB2098	Tạ Thanh	Tân	17/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	9,75	8,67	Đạt	
226	BKCB2099	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	26/08/2006	Đồng Tháp	9,75	9,0	Đạt	
227	BKCB2100	Lê Bảo	Thanh	22/07/1999	Đồng Tháp	9,5	8,5	Đạt	
228	BKCB2101	Lê Thị Thanh	Thảo	06/08/2007	Đồng Tháp	9,25	8,67	Đạt	
229	BKCB2102	Nguyễn Chí	Thiện	13/01/1996	Đồng Tháp	9,75	5,33	Đạt	
230	BKCB2103	Huỳnh Phúc	Thịnh	15/09/2007	Đồng Tháp	8,5	8,33	Đạt	
231	BKCB2104	Nguyễn Minh	Thơ	10/11/2007	Đồng Tháp	9,0	8,0	Đạt	
232	BKCB2105	Nguyễn Thị Kim	Thơ	03/11/2006	Đồng Tháp	5,0	6,33	Đạt	
233	BKCB2106	Trần Tấn	Thông	12/08/2005	Đồng Tháp	5,75	6,0	Đạt	
234	BKCB2107	Nguyễn Anh	Thư	12/03/2007	Đồng Tháp	9,5	8,67	Đạt	
235	BKCB2108	Trần Anh	Thư	15/06/2003	Đồng Tháp	8,25	8,17	Đạt	
236	BKCB2109	Trần Thị Anh	Thư	23/05/2005	Đồng Tháp	8,75	7,17	Đạt	
237	BKCB2110	Trần Thị Ngọc	Thùy	27/04/1996	Đồng Tháp	9,0	8,5	Đạt	
238	BKCB2111	Phạm Ngọc Bảo	Thy	12/11/2007	Đồng Tháp	8,5	7,83	Đạt	
239	BKCB2112	Hà Quyền	Trân	26/04/2007	Đồng Tháp	8,0	8,17	Đạt	
240	BKCB2113	Huỳnh Thị Thùy	Trang	14/01/2006	Đồng Tháp	6,75	9,0	Đạt	
241	BKCB2114	Lê Thị Thùy	Trang	17/02/2005	An Giang	6,5	5,83	Đạt	
242	BKCB2115	Lê Thị Tuyết	Trang	20/11/1996	An Giang	10,0	8,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
243	BKCB2116	Phan Thị Kiều	Trang	08/11/1999	Đồng Tháp	9,75	8,33	Đạt	
244	BKCB2117	Mai Minh	Triết	20/06/1992	Đồng Tháp	5,75	8,0	Đạt	
245	BKCB2118	Lê Thanh	Trúc	10/09/2007	Tiền Giang	9,0	5,67	Đạt	
246	BKCB2119	Đào Thị Minh	Tú	18/08/2007	Đồng Tháp	9,75	9,0	Đạt	
247	BKCB2120	Võ Minh	Tuấn	01/01/1993	Đồng Tháp	7,75	6,33	Đạt	
248	BKCB2121	Trần Thị Ngọc	Vàng	02/01/2007	Đồng Tháp	9,75	8,67	Đạt	
249	BKCB2122	Lại Phương	Vi	28/08/2007	Đồng Tháp	8,25	8,67	Đạt	
250	BKCB2123	Nguyễn Ngọc Chí	Vĩnh	04/04/2007	Đồng Tháp	6,5	8,33	Đạt	
251	BKCB2124	Liên Nguyễn Thanh	Vy	31/03/1998	Đồng Tháp	8,0	8,67	Đạt	
252	BKCB2125	Nguyễn Lê Mỹ	Xuân	01/03/2007	Đồng Tháp	9,5	8,0	Đạt	
253	BKCB2126	Trần Thị Mỹ	Xuyên	13/08/2007	An Giang	6,75	7,0	Đạt	
254	BKCB2127	Võ Phan Huỳnh Như	Ý	29/07/2007	Đồng Tháp	9,25	8,33	Đạt	
255	BKCB2128	Vương Ngọc Như	Ý	10/11/2006	Đồng Tháp	8,5	8,67	Đạt	
256	BKCB2129	Phạm Hoàng	Yến	08/06/2007	Đồng Tháp	8,0	9,0	Đạt	
257	BKCB2130	Phạm Thị Phi	Yến	20/08/2007	Đồng Tháp	9,5	8,67	Đạt	
258	BKCB2131	Trần Hoàng	Yến	17/12/2006	Đồng Tháp	9,5	9,0	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh:
 258

Số lượng hiện diện:
 249

Số thí sinh đạt:
 248

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam